

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm mai thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng V

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Ngô Liêm S, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà ACM số 96 Cao Thắng, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn :* Ông Nguyễn Hữu Lê P, sinh năm 1984

Bà Phạm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất ông Nguyễn Hữu Lê P, bà Phạm Thị Tuyết Nh còn nợ Ngân hàng V tính đến ngày 15/6/2022 cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 7059083/BPU/HĐTD ký ngày 26/4/2016, ông P bà Nh còn nợ tổng số tiền là 283.795.509 đồng (trong đó: tiền gốc 196.306.000 đồng, nợ lãi 87.489.509 đồng);

- Theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN/0100325/201810/890507 ngày 05/10/2018, ông P, bà Nh còn nợ tổng số tiền là 127.764.372 đồng (Trong đó nợ gốc là 70.863.282 đồng, nợ lãi 56.901.090 đồng);

- Theo Hợp đồng thẻ tín dụng (HĐTTD) số 325-P-0869139 ngày 17/8/2018 (trên cơ sở Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/08/2018 ông P, bà Nh còn nợ tổng số tiền là: 120.430.178 đồng (trong đó: nợ gốc: 45.947.888, nợ lãi: 74.482.289 đồng).

Tổng số tiền ông P bà Nh còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7059083/BPU/HĐTD ký ngày 26/4/2016, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN/0100325/201810/890507 ngày 05/10/2018, Hợp đồng thẻ tín dụng số 352 – P – 0869139 là 531.990.059 đồng (trong đó tổng nợ gốc 267.169.282 đồng, tổng nợ lãi là 144.390.599 đồng; tổng nợ thẻ tín dụng là 120.430.178 đồng).

2.2. P thức và thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Vào ngày 20/8/2022 ông Nguyễn Hữu Lê P và bà Phạm Thị Tuyết Nh có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc vay và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số: 7059083/BPU/HĐTD ký ngày 26/4/2016, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN/0100325/201810/890507 ngày 05/10/2018, Hợp đồng thẻ tín dụng số 352 – P – 0869139 tính đến ngày 15/6/2022 là: 531.990.059 đồng (trong đó tổng nợ gốc 267.169.282 đồng, tổng nợ lãi là 144.390.599 đồng; tổng nợ thẻ tín dụng là 120.430.178 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 16/6/2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ ngày 20/8/2022, ông P, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng V có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, số khung: RL4BT9F31G4022017, số máy: 1NZZ408646; biển kiểm soát: 93A-068.61, đứng tên của ông Nguyễn Hữu

Lê P theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009706 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/4/2016.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, số tiền thu được vượt quá nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì phần dư được trả lại cho ông P, bà Nh. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì ông P, bà Nh phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V

2.3. Án phí dân sự mại sơ thẩm: là 12.639.801 đồng, ông P, bà Nh phải chịu.

Ngân hàng Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 22.214.000 đồng theo biên lai thu số 0006031 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công